

## Hòa bình thế giới và sự giải quyết xung đột: Giải pháp từ quan điểm Phật giáo

---

Arvind Kumar Singh (\*)

---

Nhóm dịch thuật  
Hồng Trung Sơn dịch

### Giới thiệu

Hòa bình sẽ không được thiết lập cho đến khi con người bày tỏ sự tự ý thức. Trong kỷ nguyên hạt nhân này, việc thành lập một nền hòa bình lâu dài trên trái đất là điều kiện cơ bản cho việc bảo tồn nền văn minh và sự sống còn của con người. Có lẽ không có gì quan trọng và cần thiết cho bằng đạt được và duy trì được nền hòa bình cho thế giới hiện đại ngày nay. Hòa bình trong thế giới ngày nay có ý nghĩa nhiều hơn ngoài việc không còn chiến tranh và bạo lực. Trong thế giới mang tính toàn cầu hôm nay, Liên Hợp Quốc cần phải là đại diện của thế giới hiện đại và phải mang tính dân chủ trong hoạt động mình-bởi vì chức năng của Liên Hợp Quốc là việc cứu vãn nhiều thế hệ khỏi tai họa chiến tranh và xung đột. Phật giáo là tôn giáo của sự chung sống hòa bình và triết lý

---

(\*) Giáo Sư phụ tá, Trường Phật học & Văn minh Phật giáo & Giám đốc Trường Đại học Gautam Buddha Quốc Tế, Greater Noida, Gautam Budh Nagar, Uttar Pradesh-201308 INDIA, Email: arvindbantu@yahoo.co.in, arvinds@gbu.ac.in

của sự giác ngộ. Bạo lực và xung đột, cùng với tất cả mọi thứ khác trên thế giới từ quan điểm của Lý Duyên Khởi (*Paticcasamuppada*), là sản phẩm của những nguyên nhân và điều kiện.

Phật giáo hoàn toàn tương thích với trật tự tương hợp và hòa bình toàn cầu. Các nền văn học kinh điển, giáo lý và triết lý của Phật giáo thích hợp nhất cho cuộc đối thoại giữa các tôn giáo, hòa hợp và hòa bình thế giới. Ngay cả hôm nay, Phật giáo có thể làm sống lại tình huynh đệ toàn cầu, sự chung sống hòa bình và sự hài hòa thân thiện giữa các nước chung quanh. Sức sống của Phật giáo ngày càng tăng tại các khu vực trên thế giới, ngày nay nhiều người đến với Phật giáo để được vui nhẹ và được hướng dẫn tinh thần tại thời điểm mà hòa bình dường như là một giấc mơ bị trì hoãn từ bao giờ. Từ quan điểm của Phật giáo, nguồn gốc của tất cả các hành động bất thiện (xung đột) như tham, sân, si, được xem là nguyên nhân gốc rễ gây nên tất cả các cuộc xung đột của con người. Xung đột thường xuất phát từ sự dính mắc những thứ vật chất: thú vui, bất động sản, lãnh thổ, của cải vật chất, sự thống trị kinh tế hoặc sự ưu việt về chính trị. Phật giáo có một nguồn lực phong phú để sử dụng trong việc làm tan rã xung đột. Phật giáo đề cập đến quan điểm của mình về nguyên nhân của cuộc xung đột và cách giải quyết để thực hiện hòa bình thế giới. Thế giới có đủ khả năng để thỏa mãn nhu cầu của mọi người nhưng không thể thỏa mãn lòng tham của họ.

### **Khái niệm về hòa bình của Phật giáo**

Truyền thống Phật giáo thường được tán dương vì những lời giáo huấn hòa bình (*santi*) và sự bất bạo động (*ahimsā*) hiếm thấy trong các xã hội Phật giáo trên 2550 năm. Trong khi những điều tán dương đó là hợp lý, điều quan trọng cần phải thừa nhận rằng sự đóng góp của Phật giáo chủ yếu không nằm trong cam kết về hòa bình, bởi mỗi một tôn giáo trên thế giới đều cam kết cho hòa bình dưới một vài hình thức nào đó, nhưng cách thức và tôn chỉ có một không hai của đạo Phật được mở rộng nhằm đạt được hòa bình ngay bên trong và nội tâm từng người và nhóm người. Lịch sử đã cho thấy bạo lực không hề có trong những đoàn thể Phật giáo. Những cuộc chiến tranh được khởi xướng nhằm giữ gìn những tổ chức và những giáo lý Phật giáo. Sự thiền định và kỷ luật tu viện được áp dụng trong huấn luyện quân đội để bảo vệ lợi ích quốc gia và để chế ngự các dân tộc lân bang. Như

vậy, hòa bình phải đóng vai trò song phương hơn là đơn phương. Tuy nhiên, khái niệm hòa bình vẫn còn được tranh cãi theo một số học giả. Một số nhà phân tích dùng thuật ngữ 'hòa bình' đối lập với thuật ngữ 'chiến tranh'. Kriesberg đề cập đến điều này là hòa bình tiêu cực, định nghĩa như là sự vắng mặt của bạo lực trực tiếp. Barash and Webel's trong tác phẩm '*Hòa bình và nghiên cứu xung đột*' (*Peace and Conflict Studies*), nói rằng chiến tranh là một trong những vấn đề kéo dài triền miên của nhân loại, hòa bình luôn được ưa chuộng hơn chiến tranh. Hơn nữa, hòa bình có thể và phải được bao gồm không chỉ là sự vắng mặt của chiến tranh mà còn phải là sự thiết lập cấu trúc xã hội, cuộc sống tích cực và những giá trị nâng cao đời sống, khẳng định cuộc sống tích cực.

Trong Phật giáo, khái niệm hòa bình hay *Santi* được bao gồm cả hòa bình nội thân và hòa bình ngoại thân. An bình nội tâm (*ajjhata-santi*), thường được gọi là 'tâm bình an', là một trạng thái tinh thần tự tại, không bị chi phối bởi những suy nghĩ hoặc xúc cảm nặng trĩu đầy lo âu. Bình an nội tâm là một điều kiện tiên quyết cho hòa bình bên ngoài, trong đó bao gồm những mối quan hệ giữa các cá nhân. Một người được cho là có hòa bình bên ngoài khi họ sống hài hòa với đồng loại của mình (*samacariyā*). Hòa bình bên ngoài bao gồm hòa bình của toàn cầu có tính cộng đồng và tự nhiên. Phật giáo tin rằng hòa bình cũng liên quan đến những cá nhân như là với các nhóm và các tổ chức. Sự bình an nội tâm của các cá nhân tạo nền tảng vững chắc để hòa bình xã hội được thiết lập trên đó. Thực tế, xã hội chỉ có thể duy trì toàn bộ nền hòa bình nếu như những thành viên trong xã hội có được hòa bình nội tâm. Nếu như tại đây chưa có hòa bình thực sự thì đừng nói đến hòa bình ở đâu xa. Sự thật này được tuyên bố trong lời mở đầu của UNESCO, " ... do bởi chiến tranh đã có trong tư tưởng con người, vì thế việc bảo vệ nền hòa bình phải được xây dựng ngay chính trong tư tưởng của con người"<sup>1</sup>. Như vậy, Phật giáo là tôn giáo của hòa bình. Sunderland cho rằng, "*Phật giáo đã dạy cho những tín đồ lòng yêu mến hòa bình một cách mạnh mẽ trong suốt lịch sử phát triển của mình, hơn hẳn bất kỳ một tôn giáo lớn nào trên thế giới*"<sup>2</sup>. Nếu người

1. Paitoon, Sinlarat (ed.), *Nâng Tầm Giáo dục và thúc đẩy hòa bình*, Bangkok: Đại học Chulalongkorn: 17.

2. Trích dẫn trong Sri Dhammananda. K, *Cá Tính Vĩ Đại trong Phật giáo*, Malaysia: B.M.S. Publication, 1965: 77.

Phật tử theo đúng những lời dạy của Đức Phật thì hòa bình không chỉ hiện diện nơi người ấy, mà còn có giữa những con người, động vật và môi trường tự nhiên nữa. Tóm lại, khái niệm hòa bình của Phật giáo vừa có cả ý nghĩa tiêu cực và tích cực. Trong ý nghĩa tiêu cực của nó, hòa bình là sự vắng mặt không chỉ của chiến tranh và xung đột mà còn của các dạng bạo lực như bất công xã hội, sự bất bình đẳng xã hội, vi phạm quyền con người, phá hủy cân bằng sinh thái, v.v... Trong ý nghĩa tích cực, hòa bình là không có xung đột mà chỉ có hiện diện của sự hài hòa.

### **Quan điểm của Phật giáo về nguồn gốc của xung đột**

Trong làn sóng của thời kỳ hỗn độn, thế giới đang đối mặt với nạn khủng bố tuôn phát, tăng trào, xung đột sắc tộc và gây hấn chính trị; di sản Phật giáo đứng vững như là dấu hiệu của hòa bình và hòa hợp. Đức Phật xuất hiện vào thời kỳ bất ổn chính trị, xã hội và tinh thần ở Ấn Độ. Lời dạy của Ngài bao gồm những hệ thống niềm tin đa dạng, bắt đầu bằng bài thuyết pháp đầu tiên của Ngài về Chân lý Tứ Thánh Đế (*cattāri ariyasaccānni*). Hai Chân lý đầu tiên chỉ ra nguyên nhân gây bạo lực và xung đột và Khổ đau theo sau đó: thứ nhất, cuộc sống chắc chắn liên quan với đau khổ, và sự không thỏa mãn- đó là chân lý về Khổ (*dukkha sacca*); và thứ hai, khởi nguồn của đau khổ hay không thỏa mãn do tham ái – đó là chân lý về Nguyên nhân của Khổ (*samudaya-sacca*). Chân lý thứ Ba và thứ Tư là phương thức chữa trị cách sống không dễ chịu này. Đó là làm sao đẩy mạnh cuộc sống hòa bình và tối thượng; thứ ba, đau khổ và không thỏa mãn sẽ kết thúc nếu như kết thúc được tham ái- đó là Chân lý về Khổ Diệt (*nirodha-sacca*); và thứ Tư, Chân lý về Con đường đưa đến Khổ Diệt- điều này có thể được nhận rõ bởi thực hành con đường Bát Chánh Đạo (*ariya aṭṭaṅgika magga*).

Để chấm dứt những xung đột chính trị, Đức Phật không những dạy về lòng từ mẫn mà còn có những thông điệp đúng. Theo quan điểm Phật giáo, những mâu thuẫn chính trị khởi phát từ ái dục- *tanhā*, ngã mạn- *māna*, tà kiến- *ditthi*, tham- *lobha*, sân- *dosa* and si- *mōha*. Vì thế để chấm dứt những xung đột chính trị, con người phải loại bỏ những ô nhiễm này khỏi tâm thức mình. Hơn nữa, khi đang giữa cuộc chiến, những tu viện Phật giáo trở thành những thiên đường của hòa bình. Với đạo Phật, nguồn gốc của những hành động không khôn ngoan là

tham, sân và si đều được xem là gốc rễ của những xung đột của con người. Khi có được điều gì rồi, một người có thể nghĩ rằng ‘*mình có sức mạnh và mình cần sức mạnh*’ và rồi hấn ta ngược đãi những người khác. Hơn nữa, Đức Phật dạy rằng khoái lạc giác quan dẫn đến việc ham muốn khoái lạc nhiều hơn dẫn đến xung đột giữa tất cả các hạng người, kể cả những kẻ thống trị, rồi tranh cãi và dẫn đến chiến tranh. Tôn Giả Tịch Thiên của phái *Mahāyāna* đã mô tả trong bộ luận *Sikṣā-samuccaya* của Ngài, trích dẫn phần *Anantamukha - nirhāradhāranī*, “*-bất kể xung đột phát sinh nơi nào giữa các sinh vật thì sự chiếm hữu là nguyên nhân của xung đột.*” Ngoài tham ái, sự tước đoạt vật chất cũng được xem là nguồn gốc của xung đột.

Rõ ràng rằng phương pháp của Phật giáo trong việc xử lý những xung đột chính trị là bất bạo động *Ahiṃsā*, có thể đạt được thông qua thực hành chánh pháp của đức Phật. Vì thế thực hành Pháp là nền tảng cơ bản để chấm dứt những xung đột chính trị, như Kinh Pháp Cú đã nêu:

Như bông hoa tươi đẹp,  
Có sắc nhưng không hương.  
Cũng vậy, lời khéo nói,  
Không làm, không kết quả<sup>3</sup>.

Cũng như một bông hoa đẹp mà thiếu hương, không thể mang lại lợi ích cho người dùng, cũng vậy, những lời dạy chân chính của Đức Phật cũng không ích lợi gì nếu người không thực hành Pháp.

Phật giáo cho rằng nguyên nhân bên ngoài của bạo lực hoặc xung đột là hậu quả của một định hướng chung của tất cả chúng sinh, đó là tránh làm hại và có được hạnh phúc. Bất cứ điều gì trái với điều này sẽ ảnh hưởng đến sự bình an của một người và dẫn đến bạo lực hoặc xung đột. Nếu mọi người muốn sống một cuộc sống hạnh phúc tối thượng thì không ai làm hại ai; Đạo Phật dạy rằng, họ nên bắt đầu với việc tránh gây hại cho người khác bằng hành động và bằng lời nói ở mức độ cá nhân. Nếu một người nào đó có thể trở nên thân thiện với tất cả chúng sinh trên thế giới, hận thù sẽ biến mất khỏi thế giới

---

3. Thích Minh Châu, *Kinh Pháp Cú (Dhammapada)*, dịch. (Hà Nội: NXB Tôn Giáo, 2012) 36.

này. Theo giáo lý Phật giáo, tất cả mọi người đều sợ chết, không ai không sợ gây và dao. Nhìn thấy chính mình trong người khác - không giết không gây hại, dùng từ ngữ xấu xa đổ lỗi cho người khác, dùng lời nói ngạo mạn làm nhục người khác, từ những hành vi này, căm thù và oán giận sẽ theo sau ... do đó bạo lực hoặc xung đột phát sinh với mục đích trả đũa những người có ác tâm với mình. Những việc làm sai trái là từ trạng thái vật lý bên trong và bên ngoài, cũng như bất công xã hội đang gây ra các cuộc xung đột và bạo lực- bắt nguồn từ tất cả các trạng thái của tâm con người. Từ đó, bạo lực và bất công là những phản ứng tâm lý của con người khi phải đối diện với những kích thích bên ngoài. Theo quan điểm của Phật giáo nguyên nhân xung đột nội bộ nằm ngay trong các hoạt động tinh thần trong mỗi con người. Nói cách khác, hình thái hay cấu trúc bạo lực đều là sản phẩm của tình trạng tâm thần của con người như sợ hãi, giận dữ và thù ghét, được Phật giáo xem là nguyên nhân bên trong của bạo lực và xung đột. Theo quan điểm Phật giáo, ngay cả khi không có mối đe dọa về an toàn cá nhân hoặc hoàn toàn là lợi ích tập thể, xung đột cũng có thể xảy ra như là kết quả của sự dính mắc, chấp thủ quan điểm, ý kiến của mình và của sự mong muốn có được vật chất hay các mối quan hệ. Khi sự dính mắc càng mạnh mẽ thì sự ám ảnh của người ấy càng tăng, họ càng chấp thủ vào thái độ cư xử của mình và càng làm cho xung đột gay gắt hơn.

Bài kinh làng Sāma (*Sāmagāma-sutta*) thuộc Trung bộ kinh (Majjhima Nikaya) giới thiệu với tăng đoàn Phật giáo trong thời kỳ đầu bảy diệt tránh pháp để giải quyết các xung đột cá nhân và nhóm của họ. Bài kinh kể về một cuộc xung đột nảy sinh giữa những Ni-kiền tử sau cái chết của *Mahāvīra*, nhà lãnh đạo của họ, và chuẩn bị để các tỳ kheo Phật giáo không rơi vào tình trạng tương tự sau khi Đức Phật nhập diệt. Bài kinh nói rằng khi nhà lãnh tụ của đạo Jain chết, một cuộc xung đột nảy sinh giữa các Ni-kiền tử về giáo lý và kỷ cương của họ. Những sự kiện này đã được tôn giả A Nan là vị đệ tử của Đức Phật trình lên Ngài, thưa hỏi cần phải làm thế nào nếu sự việc tương tự xảy đến khi Thế Tôn nhập diệt. Đức Phật dạy rằng: “*Tranh luận về sinh kế hoặc về các quy tắc kỷ luật thì không đáng kể, nhưng một tranh luận nào phát sinh trong tăng đoàn về con đường (magga) và đường hướng tu hành (paṭipadā), sự tranh luận đó mới đưa đến bất an cho đa số, thiệt hại và gây ra bất hạnh cho đa số, cho sự mất mát, thiệt hại, và đau khổ cho loài Trời và loài người*”. Sau đó Đức Phật bắt đầu trình bày

chi tiết nguồn gốc của xung đột và các diệt tránh pháp để giải quyết chúng. Kinh làng Sāma (*Sāmagāma-sutta*) nhấn mạnh sáu nhân căn bản của tranh chấp<sup>4</sup> như sau:

1. Người sống phần nộ và sân hận là gốc rễ của xung đột,
2. Người sống không cung kính, không tôn trọng bậc Đạo sư là gốc rễ của . tranh chấp,
3. Người sống không cung kính, không tôn trọng Pháp là gốc rễ của tranh chấp,
4. Người sống không cung kính, không tôn trọng Tăng chúng là gốc rễ của tranh chấp,
5. Người không viên mãn sự học tập là gốc rễ của tranh chấp,
6. Người khởi lên tranh luận giữa tăng chúng là gốc rễ của tranh chấp.

Theo kinh làng Sāma (*Sāmagāma-sutta*), có bốn tránh sự cần được giải quyết thông qua hòa giải như sau:

1. Tránh sự khởi lên do tranh luận ( *vivāda* ).
2. Tránh sự khởi lên do chỉ trích ( *anuvāda* ).
3. Tránh sự khởi lên do phạm giới tội ( *āpatti* ).
4. Tránh sự khởi lên do trách nhiệm ( *kicca* ).

### **Xung đột được mô tả trong giáo lý Phật giáo**

Bất bạo động và hòa bình là giáo lý cốt tủy của Phật giáo. Những giáo lý này thể hiện mạnh mẽ thang giá trị của mình. Mặc dù điều này không có nghĩa là người Phật tử luôn luôn có được hòa bình; các quốc gia Phật giáo cũng bị chiến tranh và xung đột - mà hầu hết nguyên nhân là do chiến tranh và xung đột đã xảy ra ở những nơi khác. Tuy nhiên, rất khó tìm thấy bất kỳ cơ sở hợp lý đáng tin cậy cho điều gọi là '*bạo lực Phật giáo*'. Phật giáo có nguồn lực phong phú để sử dụng trong việc làm tan rã xung đột. Các văn bản kinh điển của Phật Giáo Nguyên Thủy cho thấy cách giải quyết xung đột xã hội phát sinh từ tội phạm và nghèo đói, tranh chấp dai dẳng và cuộc đối đầu trong các trường phái cạnh tranh tôn giáo và triết học của mọi thời. Sự thay đổi

---

4. Thích Minh Châu , *Sāmagāma-sutta* -Trung bộ kinh (Majjhima Nikaya), dịch, ( Hà Nội: NXB Tôn Giáo, 2008)

cục diện của toàn cầu đã đẩy thế giới đến bờ vực của chiến tranh và thảm họa. Những loại vũ khí tàn phá hàng loạt và với tình trạng này hòa bình sẽ không được thiết lập cho đến khi nào ý thức tỉnh giác được thể hiện trong con người. Trong kỷ nguyên hạt nhân này, việc thành lập một nền hòa bình lâu dài trên trái đất là điều kiện cơ bản cho việc bảo tồn nền văn minh và sự sống còn của con người. Có lẽ không có gì quan trọng hơn và cần thiết hơn ngoài những thành tựu và duy trì nền hòa bình trong thế giới đa cực hiện đại.

Kinh điển đã kể lại rằng có một lần Đức Phật đã ngăn cản một cuộc chiến tranh giữa các dân tộc vùng Sākiyas và Koliyas<sup>5</sup> về vấn đề sử dụng nguồn nước của một con sông xây đập Rohini chảy qua giữa vùng lãnh thổ của hai dân tộc này và khi mực nước giảm, người dân của cả hai vùng đều muốn mình là sở hữu dòng nước để dùng cho cây trồng của mình. Đức Phật là một bậc giác ngộ, Ngài nhận thức được tình huống nguy hiểm này và sau đó Ngài dùng thần thông bay đến khu vực đó, lơ lửng trên dòng sông. Nhìn thấy Ngài, bà con các dân tộc đều buông vũ khí xuống và cúi đầu đánh lễ Ngài. Nhưng khi mọi người được hỏi về lý do của sự xung đột, ban đầu không ai trả lời được, cuối cùng người dân hai bên nói rằng đó là do vấn đề nước sông này. Sau đó Đức Phật cho các chiến binh quý tộc thấy rằng họ sắp phải hy sinh một cái gì đó có giá trị lớn hơn - đó cuộc sống của mình, những chiến binh quý tộc - hơn hẳn một điều rất ít giá trị là dòng nước sông này. Do đó người dân đã từ bỏ chiến tranh. Bằng cách này, qua nhiều thế kỷ, các nhà sư Phật giáo thường được các vị vua tham vấn, giúp đàm phán để chấm dứt một cuộc chiến tranh. Văn bản Đại thừa cho thấy một cách rõ ràng rằng các bên tham chiến đã sẵn sàng giải quyết những xung đột của họ dưới sự hòa giải của các nhà sư Phật giáo.

Một trong những câu chuyện tiền thân-Jātaka<sup>6</sup>, Bồ Tát là một vị vua và được báo cáo về một đội quân xâm lược đã tiến gần đất nước. Đáp lại, Vua nói: *"Tôi muốn không có vương quốc nào được giữ bằng cách làm hại"* đó là bởi vì có quân lính bảo vệ vương quốc của mình. Mong muốn của đức Vua được tuân thủ và khi thủ đô bị bao vây bởi những kẻ xâm lược, Vua ra lệnh cho mở rộng cửa thành. Những kẻ xâm lược

---

5. Dhp. Verse No. 223. 190.

6. J. II. 400-403. *Idam vatvā mahārājā kaṃso Bārāṇasiggaho dhanuṃ tūpiṇ ca nikkhippa saññamaṃ ajjhupāgamīti.*



tự do đi vào đất nước, nhà Vua bị lật đổ và bị cầm tù. Trong ngục tối, nhà Vua rải tâm từ bi tuyệt vời đến cho vua xâm lược, khiến cho vị vua này cảm nhận một dòng năng lượng cháy bỏng trong cơ thể của mình. Điều này nhắc nhở vị vua xâm lăng nhanh chóng nhận ra rằng mình đã làm sai bằng cách bỏ tù một vị vua đạo đức. Do đó, ông thả đức Vua và trả lại hòa bình cho vương quốc này. Thông điệp muốn nói đến ở đây là lập trường bất bạo động của đức Vua dùng để bảo vệ mạng sống nhiều người dân của cả hai đất nước. Phù hợp với đường lối này là câu kệ sau:

Lấy không giận thắng giận,  
Lấy thiện thắng không thiện,  
Lấy thí thắng xan tham,  
Lấy chơn thắng hư ngụy<sup>7</sup>.

Mặc dù chinh phục một ngàn người trong chiến trường nhưng một người thực sự là người chiến thắng cao thượng hơn khi chiến thắng chính mình:

Một ví dụ đặc biệt nổi bật của lời dạy của Đức Phật về xung đột được tìm thấy trong Kinh Đế Thích Sở Vấn (*Sakka-pañhaSutta*) thuộc Trường Bộ Kinh (*Dīgha Nikāya*). Thiên Chủ Sakka kể cho Đức Phật nghe rằng tất cả mọi người dân ao ước sống: “*Không hận thù, không đả thương, không thù nghịch, không ác ý, chúng ta sống với nhau không hận thù*”<sup>8</sup>. Thế mà, họ thực sự sống “*với hận thù, với đả thương, với thù nghịch, với ác ý, họ sống với nhau trong hận thù*”. Thiên Chủ Sakka hỏi Đức Phật tại sao điều này lại xảy ra như vậy? Điều này được Đức Phật bắt đầu một bài giảng mà trong đó Ngài nêu nguyên nhân xung đột và thù địch do tật đố và xan tham; tật đố do ưa ghét làm nhân duyên, ưa ghét làm tập khởi, ưa ghét khiến chúng sanh khởi, ưa ghét khiến chúng hiện hữu, ưa ghét có mặt thì tật đố, xan tham có mặt; ưa ghét không có mặt thì tật đố, xan tham không có mặt, ưa ghét do dực làm nhân duyên và cuối cùng do điều được gọi là vọng tưởng (*papañca*), có nghĩa là sự mở rộng hoặc bóp méo nhận thức. Trong bài

7. Thích Minh Châu, *Kinh Pháp Cú (Dhammapada)*, dịch (Hà Nội: NXB Tôn Giáo, 2012) 102.

8. Walshe, Maurice, *The Long Discourses of the Buddha*. Kandy: Buddhist Publication Society, 1996: 328

pháp khác, chúng ta thấy Đức Phật trả lời một người hỏi chưa được đặt tên trong một cuộc đối thoại về “*cuộc cãi vã và tranh chấp*”. Một lần nữa Đức Phật nêu nguồn gốc của tranh chấp làm nảy sinh các vấn đề nhận thức sai lệch, bóp méo nhận thức hoặc những trạng thái vọng tưởng (*papañca*).

Kinh Mật Hoàn (*Madhupiṇḍika*) thuộc Trung bộ kinh (*Majjhima Nikaya*) dạy làm thế nào để xử lý nhận thức như vậy mà nhận thức đó không dẫn đến khuynh hướng tiềm ẩn và điều này là nghệ thuật sống mà không có xung đột. Khi điều này được đề cập đến, tôn giả Mahākaccāna cho một lời giải thích đầy đủ hơn, ông đưa ra một phân tích của các giai đoạn khác nhau của nhận thức giác quan khi chúng xảy ra trong bất kỳ người bình thường nào. Ông chỉ ra rằng “*tư duy*” (*vitakka*) tiếp theo nhận thức và chính điều này dẫn đến nhận thức sai lệch-hay vọng tưởng (*papañca*) và từ nơi đó đến bạo lực và xung đột. Kinh Vāsetṭha (*Vāsetṭha Sutta*)<sup>9</sup> thuộc Trung bộ Kinh (*Majjhima Nikaya*) đưa ra một lời giải thích về nguồn gốc của xung đột. Đó là nhận thức sai lầm, mà thực sự do vô minh hay vọng tưởng. Sự thiếu hiểu biết hoặc nhận thức sai lầm sinh ra tất cả các cuộc xung đột. Các văn bản kinh điển Nguyên Thủy thường truy nguyên nguồn gốc của xung đột ý kiến, niềm tin và ý thức hệ. Kinh Vāsetṭha (*Vāsetṭha Sutta*) đề cập xác đáng hơn và trong đó trình bày rõ nét giáo huấn của Đức Phật về cái gì tác thành các loài hữu tình, phân tích có phương pháp tại sao khái niệm ‘*khác biệt do thọ sanh*’ lại choán ngự và quan trọng trong ý thức của con người, khiến cho khái niệm khác biệt do thọ sanh đã trở thành định kiến của họ. Trong bốn từ - *dīgharattam anusayitam ditthi - gatam ajānatam* gọi nhiều liên tưởng sức mạnh vô thức của ý tưởng “*khác biệt do thọ sanh*’. Tà kiến (*ditthi*), vô minh (*ajānatam*) và xu hướng tiềm ẩn (*anusaya*) được liên kết với nhau. Tà kiến vẫn nằm trong tiềm thức và đã trở thành một thói quen tinh thần. Một ví dụ của điều này là khái niệm về *nāma - gotta* hoặc tên và dòng họ, ví dụ, giả định chung “*Tôi là con người của dòng dõi như vậy -và- như vậy*”, tương tự như sự ‘*khác biệt do thọ sanh*’. Từ cuối cùng, một dạng phủ định từ từ gốc *ñā* (hiểu biết) cho biết cách thế nào- bằng một cách vô thức hoặc không có kiến thức- khái niệm về sự ‘*khác biệt do thọ sanh*’ phát xuất từ gốc rễ trong tâm thức. Ý thức chúng tộc hoàn toàn thỏa mãn nhận thức về sự khác biệt do thọ sanh,

mà Kinh Vāseṭṭha (*Vāseṭṭha Sutta*) kiên quyết phơi bày đó là một quan niệm sai lầm, một định kiến đã hình thành từ lâu đời<sup>10</sup>.

Quan niệm của Phật giáo về tà kiến (*ditthi*) là một khía cạnh nhận thức sai lầm của ý thức con người, tuy nhiên, nhận thức không phải là khía cạnh duy nhất của nó, mà trong số những khuynh hướng tâm thức còn có khao khát, ngã mạn và kiêu ngạo, ác ý và thù hằn<sup>11</sup>. Đây là một trong những đặc điểm tâm lý phức tạp hơn của ý thức chưa hoàn thiện được đề cập trong các văn bản kinh điển Phật giáo, được xem như nguyên nhân phổ biến của các cuộc xung đột và bạo lực trong xã hội. Chẳng hạn, Tăng Chi Bộ Kinh (*Anguttara Nikāya*) cho tham lam, sân hận và si mê là điều mà người ta lấy đó để tạo ra đau khổ cho người khác, nhằm thỏa mãn sự thèm khát quyền lực. Rồi lại suy nghĩ tiếp để dẫn đến những hành vi hiếu chiến là : “*Tôi có quyền lực, tôi muốn quyền lực* “. Kinh Trung bộ (*Majjhima Nikaya*) nói rằng đó là do ham muốn (*Kama*) mà các vị vua, bà la môn, hộ gia đình, cha mẹ, trẻ em, anh em, chị em, bạn bè và các đồng nghiệp tranh chấp và xung đột nhau (*kalaha / viggaha / vivāda*) và kết thúc cuộc chiến với vũ khí hủy diệt. Trên cơ sở thảo luận trên, có thể nói rõ ràng rằng cuộc xung đột bắt nguồn từ cùng một gốc như đau khổ. Vì lý do đó, cách để giải quyết xung đột không gì khác hơn ngoài sự thực hành Bát Chánh Đạo mà Đức Phật dạy làm cho “vui” đi nỗi đau khổ. Với tôi dường như sự thực hành như trên tương tự với một cách tiếp cận giáo lý Phật giáo có giá trị xử lý nguyên nhân của các cuộc xung đột.

Tuy nhiên, Phật giáo không chấp nhận quan điểm hoài nghi và bi quan mà chúng ta dự tính duy trì trong trạng thái này. Đức Phật giải thích rằng sự thay đổi là một quá trình rất khó khăn nhưng không phải không thể làm được. Trong thực tế, toàn bộ triết lý Phật giáo là một sự nghiệp “*để chuyển hóa con người từ những gì anh ta là đến những gì anh ta nên là*”, hay đúng hơn là những gì anh ta có khả năng trở thành. Angulimala, kẻ giết người hàng loạt, là một ví dụ của một

10. Sn 648 . *samañña h'esa lokasmiṃ nāmagottaṃ pakappitaṃ/ sammuccā samudāgataṃ tattha tattha pakappitaṃ* : “ For what has been designated name and clan in the world is indeed a mere name . What has been designated here and there has arisen by common assent” – Norman: 107

11. S.III. 254 names 7 forms of *anusaya: kāmarāga, paṭigha, diṭṭhi, vicikicchā, māna, bhavarāga, and avijjā*.

người đã trải qua một sự thay đổi đột ngột của tâm thức. Tuy nhiên thông thường, không có một con đường tắt nào ngắn như vậy, mà chỉ có thể có một chương trình giáo dục đạo đức dài hạn có hệ thống. Điều đó dành cho sự thay đổi trong một tổ chức mà Đức Phật đã thuyết giảng giáo pháp và thành lập Tăng đoàn, nhấn mạnh quá trình thay đổi và đào tạo dần dần, bắt đầu với những thói quen đạo đức, trải dài như một sợi dây trên kinh điển Phật giáo. Nếu có một niềm tin vững chắc rằng kỷ luật, giáo dục và bắt đầu từng bước một mỗi lúc khác nhau có thể dẫn mọi người từ một trạng thái chưa biết đến trạng thái khôn ngoan sáng suốt hơn. Khả năng thay đổi dần dần phải thừa nhận cùng với sự thay đổi đột ngột như trường hợp của Angulimala .

### **Giáo lý Phật giáo: Phương cách Phật giáo đến với Hòa bình**

Sau khi thâm nhận một số lượng đáng kể các môn đệ, Đức Phật quyết định thành lập Tăng đoàn, xây dựng thành một cộng đồng lý tưởng hoàn toàn trong sạch không hề có các loại xung đột. Tất cả các thành viên của Tăng đoàn sống chung với nhau trong tinh thần bình đẳng, tự do và tình huynh đệ, bỏ hết tất cả những đặc quyền đặc lợi họ có từ trước. Thật vậy, tăng chúng sinh hoạt như là một mô hình lý tưởng trong một tổ chức không có xung đột. Tỳ kheo PA Payutto, nêu rõ *“một cộng đồng như vậy không có nguyên nhân xung đột và chia rẽ bởi vì tất cả các thành viên không có động cơ vì quyền lực, địa vị và thành tích vượt trội hơn những người khác”*. Kết quả là các tổ chức Tăng đoàn được phát triển để dạy Pháp cho các nhà lãnh đạo và tạo điều kiện giao tiếp giữa những người cầm quyền và người dân. Tăng đoàn tượng trưng cho sự thống nhất của các phương tiện và kết thúc trong những lời dạy của Đức Phật. Điều đó là phong trào để giải quyết các cuộc xung đột, phải thể hiện được sự lành mạnh và hòa bình ngay chính trong quá trình hoạt động của chính nó. Kỷ luật của tu viện Tăng đoàn thời kỳ đầu được xây dựng để giải quyết xung đột lợi ích giữa các tỳ kheo, tỳ kheo ni với tiến trình hòa bình dân chủ. Để truyền bá hòa bình và ổn định trong tổ chức của mình, Tăng đoàn tu sĩ tìm cách thiết lập sự lãnh đạo đạo đức trên cả vùng, lãnh đạo các tổ chức tăng đoàn bằng một bộ luật ứng xử bất bạo động vì lợi ích của xã hội. Đức Phật được tôn kính như một sứ giả hòa bình tuyệt hảo. Khi du tăng Dighajanu bạch hỏi Đức Phật những ý chính lời dạy của Ngài, Đức Phật trả lời một cách rõ ràng: *“ Theo giáo lý của ta, trong thế giới*

*của chư Thiên, Ma Vương và Phạm thiên, với đám đông của những ẩn sĩ và Bà La Môn, các vị thần và con người, sẽ không có tranh cãi gì với bất cứ ai trên thế giới “. Hơn nữa, Đức Phật tuyên bố : “Hỡi các Tỷ-kheo, ta không tranh cãi với thế giới, chỉ có thế giới tranh cãi với ta. Hỡi các Tỷ-kheo, một người thuyết giảng Pháp không tranh cãi với ai trên thế giới bao giờ “ .*

Học thuyết Phật giáo được dựa trên các thang giá trị đạo đức của con người và chuẩn mực đạo đức tuyệt vời, mà điều đó phổ biến và khuyến khích sự hòa hợp xã hội. Những chuẩn mực đạo đức của Phật giáo như sau:

1. *Pañcasīla* hoặc năm giới: không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không sử dụng những chất say. *Pañcasīla* là nguyên tắc hướng dẫn để đạt được sự hoàn hảo về đạo đức.
2. *Brahma Vihara* hoặc bốn phạm trú tuyệt vời: *Brahma Vihara* hay tứ vô lượng tâm như *Metta* (Tâm từ) , *Karuna* (Tâm bi), *Mudita* (Tâm hỉ) và *Upekhā* ( tâm xả) chiếm một vị trí quan trọng trong sự hòa hợp xã hội .

Bốn phạm trú tuyệt vời (tứ vô lượng tâm) cũng được biết đến như *appamannaya* hay sự yêu thương vô hạn dẫn con người vượt qua mọi rào cản đã chia cách người này với người khác, giữa cộng đồng này với cộng đồng khác, giữa quốc gia này với quốc gia khác. Đó là con đường của hạnh phúc, tình hữu nghị và hòa bình xã hội cao đẹp. Trau dồi bốn phạm trú này sẽ dẫn mọi người đến tình huynh đệ cao cả và hòa hợp xã hội. Vun bồi những điều này, các tôn giáo trên vũ trụ sẽ không có cảm giác một mình tôn giáo mình đơn phương giải quyết mâu thuẫn mà lại mở ra một kỷ nguyên phục hưng của tinh thần mới trong thế kỷ 21. Là một trong những người ủng hộ Phật giáo, tôn giáo của lòng cảm thông và lòng từ bi trên vũ trụ, Albert Einstein viết: “ Một người cảm thấy sự phù phiếm của những ham muốn của con người và mục đích của con người và mục đích cao cả và trật tự tuyệt vời mà bậc lộ mình cả trong tự nhiên và thế giới của tư tưởng. Sự tồn tại của cá nhân gây ấn tượng cho anh ấy như là bị giam hãm trong ngục tù và anh ta muốn trải nghiệm vũ trụ như một tổng thể đáng kể duy nhất. Sự khởi đầu của cảm giác tôn giáo vũ trụ đã xuất hiện ở giai đoạn đầu của sự phát triển, ví dụ như trong nhiều Thánh Vịnh của David và trong một số của các nhà tiên tri. Phật giáo, như chúng ta đã biết, đặc biệt là từ

*các tác phẩm tuyệt vời của ông Schopenhauer, có một yếu tố mạnh mẽ hơn về điều này". Ông tiếp tục nói, "Sức mạnh mà nguyên tử bung ra đã làm thay đổi tất cả mọi thứ ngoại trừ cách chúng ta suy nghĩ" và cảnh báo người dân trên thế giới rằng họ sẽ mang lại cho mình tai họa chưa từng có, "trừ khi có sự thay đổi cơ bản trong thái độ của họ đối với nhau cũng như trong quan niệm của họ về tương lai" .*

## **Khái niệm về phát triển hòa bình**

Hòa bình trong Phật giáo kết hợp bốn vấn đề chính: hạnh phúc, hòa bình, tự do và an ninh. Hạnh phúc cao nhất là Niết Bàn (*paramam sukham*), trạng thái tuyệt vời của hòa bình tối thượng (*anuttarasasamivihārapada*), giải thoát (*vimutti*) và thoát khỏi sự trói buộc (*anuttarayagakkhama*). Theo quan điểm của Phật giáo, hòa bình và hạnh phúc đều như nhau. Như tỳ kheo P.A. Payutto đã phát biểu, hòa bình (*santi*) và hạnh phúc (*sukha*) là đồng nghĩa: một người không hạnh phúc không thể tìm thấy hòa bình và không thể có hòa bình mà không có hạnh phúc. Phật giáo quy định tự do như là một từ đồng nghĩa với hòa bình và hạnh phúc. Có được tự do, mọi người có thể sống một cuộc sống hạnh phúc và yên bình. Rõ ràng là trong quan điểm của Phật giáo 'hòa bình' có hai cấp độ ý nghĩa. Ở cấp độ siêu thế (*lokuttara*), hòa bình có nghĩa là Niết Bàn, trạng thái cao nhất của hạnh phúc. Vì vậy, để phát triển 'hòa bình' ở cấp độ này mà con người không có phương cách nào khác ngoài việc tu tập Vipassana hay thiền định như đã đề cập trước đó. Ở cấp độ trần tục (*lokiya*), hòa bình có nghĩa là 'bất bạo động' hay 'chung sống hoà bình' .

Để phát triển hòa bình trong ý nghĩa này đòi hỏi phải thực hành Pháp, bắt đầu với việc thực hành năm giới; không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không dùng đồ uống say và ma túy. Sau đó, quá trình tiếp tục với nỗ lực để có được Giới (*sila*), Định (*Samādhi*) và Tuệ (*Pañña*). Đây là con đường thực hành Bát Chánh Đạo vì Giới bao gồm Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng; Định bao gồm Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định và Tuệ bao gồm Chánh Tri Kiến và Chánh Tư Duy.

Làm thế nào để thiết lập xã hội hòa bình là vấn đề nóng bỏng nhất trong toàn cục thế giới hiện nay. Trong hệ thống tôn giáo hiện nay, Phật giáo có thể đóng một vai trò quyết định trong việc cung cấp, duy

trì và bảo tồn hòa bình thế giới. Nền tảng hòa bình và an ninh có thể được củng cố trong cơ cấu của Phật giáo, đó là sự khoan dung cao thượng, tinh thần quốc tế và sự linh động. Nhiệm vụ của tôn giáo là hướng dẫn mọi người duy trì những nguyên tắc sống cao thượng nhất định để sống một cuộc sống hòa bình và duy trì phẩm giá con người. Đức Phật đã giới thiệu một cách sống chân chính cho con người sau khi Ngài đã trải qua những điểm mạnh và yếu của tâm lý con người. Phật giáo về cơ bản là một học thuyết thực tế, chính yếu để giải quyết khổ đau và thứ yếu là làm sáng tỏ các vấn đề triết học. Nhưng tất nhiên, hai lĩnh vực này - thực tế và triết học không thể kết nối với nhau được. Tư tưởng (*pariyatti*) và thực hành (*patipatti*) cùng đồng hành giống như hai bánh xe của cỗ xe ngựa của công bình trên con đường bằng phẳng của cuộc sống con người. Đây là hệ thống chỉ có một vấn đề và một giải pháp với một lộ trình hiện có cho hai bên. Vấn đề chỉ là sự đau khổ của con người (*dukkha*) và giải pháp là việc đạt được hòa bình vĩnh cửu (*Niết Bàn*) và con đường dẫn để đạt được điều này là Bát Chánh Đạo (*aṭṭhāṅgika magga*), đó là một nguyên tắc năng động dần dần dẫn tới sự cải thiện và hoàn chỉnh hài hòa trong trật tự xã hội chung, tính cách không bạo lực và thấm đẫm hòa bình và tĩnh lặng.

Mục tiêu cơ bản của Phật giáo là hòa bình, không chỉ có hòa bình cho con người nhưng hòa bình cho tất cả chúng sinh. Đức Phật dạy rằng bước đầu tiên của con đường dẫn đến hòa bình là việc tìm hiểu nguyên nhân của hòa bình. Đức Phật cho rằng tâm bình an dẫn đến lời nói hòa bình và hành động hòa bình. Trong tất cả những lời dạy của Đức Phật, có thể nói rằng Bồ đề tâm là tiền thân của hòa bình. Đức Phật dạy: "*cetanā Aham bhikkhave, kammaṃ vadāmi*" (*Hỡi tỳ kheo, ý muốn là hành động*). Đức Phật nói thêm trong kinh Pháp Cú '*Sabba Pāpassa akaranāni, Kuśalassa upasampadā; Sacitta pariyodapānaṃ, Etam Buddhana Sāsanam*' có nghĩa là '*Không làm mọi điều ác. Thành tựu các hạnh lành, Tâm ý giữ trong sạch, Chính lời chư Phật dạy*'. Vì vậy, khi Bồ đề tâm thành tựu, hòa bình được thiết lập, bạo lực và thù hận bị tiêu diệt. Về vấn đề này, có thể trích dẫn cuộc chiến Kalinga của vua A Dục. Theo Chỉ Dụ số 1, vua A Dục đã thông qua *dhammaghoṣa* tức là âm thanh của sự công bình thay vì *bherighoṣa* tức là tiếng kèn thu quân sau khi đã dùng một khối lượng công cụ, vật dụng dàn trận trong chiến tranh. Để khắc sâu ý nghĩa của việc duy trì hòa bình, yên tĩnh và thanh bình trên thế giới, người ta phải đi theo con đường Trung đạo,

đó là Thánh Đạo Tám Ngành (*ayameva āriyo atthangiko maggo*). Một cách tổng quát, Thánh Đạo Tám ngành tương ứng ba học, cụ thể là Giới (Sila), bao gồm Chánh Ngữ (*samma-vāca*), Chánh Nghiệp (*samma-kammānto*) và Chánh Mạng (*samma-kammānto*), Định (*samādhi*) bao gồm Chánh Tinh Tấn (*Samma-vayāmo*), Chánh Niệm (*Samma-sati*), Chánh Định (*Samma-samādhi*) và Tuệ (*Paññā*) bao gồm Chánh Kiến (*Samma-ditthi*), Chánh Tư Duy (*Samma-samkappo*).

*Sila* là bước đầu tiên làm giảm đi những đối xử, lời nói và hành động xấu, Định làm giảm đi những suy nghĩ xấu và Tuệ làm khai mở Trí Tuệ, dưới ánh sáng của Tuệ, mọi bản chất tự nhiên được thấy rõ như thật. *Sila* tức là đạt được trí tuệ tối hậu là ba nguyên tắc cơ bản của Phật giáo được tháo gỡ từ những rối rắm. Khi nguyên tắc này được tiếp nối sau đó, bốn lậu hoặc (*āsava*), năm triền cái (*nivāraṇa*) và mười kiết sử (*samyojana*) sẽ tự động kết thúc nơi hành giả và xuất hiện của bốn phạm trú tuyệt vời (*brahmavihāra*), năm hoàn thiện (*pāramitā*) chấm dứt sự hỗn loạn của tâm. Đây là lý do tại sao con đường Trung đạo được xem là phương pháp phù hợp nhất để xử lý những rối loạn thần kinh chức năng phổ biến của con người mà cuối cùng là giải đáp cho những xung đột. Thù địch là trở ngại lớn nhất để đạt được hòa bình trên thế giới. Chân lý phổ biến là thù địch tạo ra thù địch. Trong kinh Pháp Cú, Đức Phật khuyên rằng *Với hận diệt hận thù, Đời này không có được; Không hận diệt hận thù, Là định luật ngàn thu (Na hi Verena verani sammantidha ' Kudacanaṃ , Averaṇa ca Sammanti esa dhammo sanantano)*. Một lần nữa, Bồ đề tâm xóa bỏ thù địch và do đó mở đường cho hòa bình và hòa hợp trong toàn thế giới. Hòa bình, theo truyền thống Phật giáo ban đầu, là một hiện tượng tâm linh. Chúng ta gọi từ Chân tâm (*Santa Citta*) gần với nghĩa hòa bình. Một người dân bình thường cũng có thể đạt được điều này bằng cách tu tập Tứ Vô lượng tâm (*Brahmavihāra*) của giáo pháp và hiểu được những ý tưởng tuyệt vời.

Tâm từ (*Mettā*) phá hủy ác tâm và cái tôi, giúp đỡ trong việc đem lại tình yêu thương và hòa bình cho con người được đề cập hùng tráng trong Kinh Từ Bi (*Metta Sutta*) của Kinh Tập (*Sutta Nipāta*) như sau :

Như tấm lòng người mẹ,  
Đối với con của mình,  
Trọn đời lo che chở,



Con độc nhất mình sanh.  
Cũng vậy, đối tất cả  
Các hữu tình chúng sanh,  
Hãy tu tập tâm ý,  
Không hạn lượng, rộng lớn.

Tâm bi (Karuna) có nghĩa là diệt trừ đau khổ của người khác ‘Karunati dayā, anuddayā, hadayanampanam va.’ Đó không phải là một biểu hiện đơn giản hướng tới sự đau khổ nhưng là một thái độ tích cực đối với những nỗi đau khổ của người khác và dùng những nỗ lực thích hợp để giảm thiểu nó dần dần (paradukkhe sati hadayakampanam, kinati va paradukkham, himsati vinaseti ti attho). Tâm bi có những đặc điểm là khi phát triển nó thì cơn đau, đau khổ bị loại bỏ và biểu hiện của lòng tốt. Lòng từ bi là sự nhân từ xuất phát từ mong muốn không làm hại người khác. Nó làm cho con người rất nhạy cảm với những đau khổ của người khác và tạo ra cho họ cảm nhận những đau khổ như vậy họ mong muốn những khổ đau đó không tiếp tục tăng nữa. Thực hiện tâm từ, tâm bi, tâm hỉ, tâm xả đều hữu ích trong việc thiết lập hòa bình và tĩnh lặng xung quanh. Đức Phật dạy mọi người áp dụng nguyên tắc Tứ Vô lượng tâm (Brahmavihāra) :

Tittham caram nisinno va, Sayano va yavatassa vigata middho,  
Etam satim adhittheyya, Brahmametam vihāram idhamahu.

Đức Phật không tuyên truyền bất kỳ phúc âm và giáo điều nào. Toàn bộ tập hợp các bài giảng và giáo lý của Ngài dựa trên chủ nghĩa hiện thực thực dụng và tư duy hợp lý. Đức Phật dạy “Hãy tự thấp đuốc lên mà đi” (Atta dīpo Viharatha). Ngài tiếp tục dạy trong Phẩm Tự Ngã (Aṭṭhavagga) trong Pháp Cú Kinh (Dhammapada): Tự mình y chỉ mình, Nào có y chỉ khác (Atta hi attano natho ko hi natho parasidya). Vấn đề ở chỗ là thực hành tư duy hợp lý miên mật, bình an sẽ tự nhiên đến. Điều này cũng áp dụng đối với hòa bình thế giới. Đức Phật đã trao cho những đệ tử của Ngài quyền tự do đúng đắn để suy nghĩ, quyết định và hành động. Đức Phật không dồn đẩy bất kỳ ý tưởng nào đến với đệ tử của Ngài, vì vậy, những suy nghĩ quốc gia dựa trên nền tảng tự do cá nhân mở đường cho nền hòa bình thế giới.

Mọi người cũng biết rằng trong Kinh điển Nguyên thủy có đề cập đến những vấn đề mang tính xung đột xã hội trên quy mô lớn. Trong

số này, chúng ta thấy rằng gốc rễ của xung đột không chỉ nằm trong ý thức cá nhân, mà còn do cơ cấu xã hội đã khuyến khích cho những gốc rễ đó phát triển. Hai trong số những ví dụ điển hình của điều này trong các Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Sư Tử Hống (*Cakkavattisihanāda*) và Kinh Cưu La Đàn Đầu (*Kūṭadanta*), đều thuộc Trường Bộ Kinh (*Dīgha Nikāya*). Bài Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Sư Tử Hống (*Cakkavattisihanāda*) cho thấy các vị vua dùng Chánh pháp trị nước, theo câu châm ngôn khôn ngoan ‘*bất cứ ai trong vương quốc của bạn là người nghèo, bạn sẽ ban phát cho họ sự giàu có.*’ Peter Harvey nói lên rằng “nếu một nhà lãnh đạo cho phép nghèo đói phát triển, điều này sẽ dẫn đến xung đột xã hội, do đó, trách nhiệm của người lãnh đạo cần tránh điều này bằng cách chăm lo cho người nghèo đồng thời đầu tư trong các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế”. Những nơi nào không được thực hiện điều này, sẽ sinh ra tội phạm và vô luật pháp, như đã nêu trong Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Sư Tử Hống (*Cakkavattisihanāda*). Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Sư Tử Hống (*Cakkavattisihanāda*) trình bày một bức tranh đáng lo ngại nếu như một xã hội rơi vào sự hỗn loạn vì thiếu công bằng kinh tế. Trong Kinh Cưu La Đàn Đầu (*Kūṭadanta*), nêu lên những thái cực diễn ra còn lớn hơn nhiều so với dự kiến xuất phát từ sự mù quáng của nhà cầm quyền trong việc trị nước an dân với thực tế của sự đói nghèo. Ý kiến của Đức Phật khi Ngài nghe được các cuộc chiến tranh giữa đức vua A-xà-thế (*Ajatasattu*) và đức vua Ba-tư-nặc (*Pasenadi*) nước Kosala không diễn ra do họ đã tán thành điều đó; còn hơn họ miêu tả quan điểm của Đức Phật, rằng chiến tranh chỉ dẫn đến đau khổ và suy thoái: “*Chiến thắng sinh hận thù, thất bại chịu khổ đau, Hạnh phúc sống hòa bình, từ bỏ mọi thắng bại*”. Kẻ sát nhân gặp sát nhân (đến lượt của mình), người xâm chiếm gặp người xâm chiếm... Vì vậy, bằng sự vận hành của nghiệp, ai cướp bóc lại bị cướp bóc. Trong Tương Ưng Bộ Kinh (*Saṃyutta Nikāya*), chúng ta có được một hình ảnh của vua trời Đế Thích (*Sakka*) đã đánh bại đối thủ của mình là *Vepacitti* trong trận chiến, nhưng thậm chí *Sakka* không trả đũa bằng lời nói khi *Vepacitti* xúc phạm *Sakka* trong sự hiện diện của cấp dưới của mình. Đây không phải là vì vua trời Đế Thích sợ hay yếu, nhưng vì ông là một người khôn ngoan, biết rằng một người không phản ứng trong thù hận đối với một người đang ghét người thắng trận trong một trận chiến thắng khó khăn, nhằm mang lại lợi ích thực sự cho cả hai bên.

Vấn đề chiến tranh không thể được thảo luận mà không xem xét ý

ngĩa xã hội của giới luật đạo đức, bởi vì chiến tranh liên quan đến việc vi phạm giới thứ nhất. Đó sẽ là một sai lầm khi cho rằng tầm quan trọng của việc thực hiện các giới luật chỉ vì nó là một phương tiện cải thiện đạo đức cá nhân. Chúng ta không được quên hai điều nói về giới luật được đưa ra dưới đây :

1. Ta nên quan sát chúng ( *samādāna* ) và
2. Người ta cũng nên ủng hộ và hoan nghênh việc tuân thủ của người khác ( *samādāpana* và *samanuñña* )

Vì những định kiến lâu nay rằng Phật giáo chủ yếu liên quan đến “sự cứu rỗi” cá nhân, ý nghĩa xã hội theo quan điểm Phật giáo như vậy có xu hướng bị bỏ qua. Cái gọi là “lựa chọn quân sự” trở nên không thích hợp với Phật giáo khi chúng ta nhận ra rằng giới luật đã được trao quyền với ý nghĩa rộng lớn hơn. Rằng cá nhân có thể đạt được và tuân theo, rằng hòa bình và sự tinh thức dĩ nhiên là thông điệp của Phật giáo. Mặt khác, Đức Phật thậm chí còn không theo đuổi “nghị ngờ cao thượng” đã từng nảy sinh trong tư tưởng của Ngài, để mà có thể điều hành một quốc gia công bình, mà không giết hại, chinh phục, hoặc tạo ra nỗi đau cho chính mình và những người khác. Đúng là vua Chuyển Luân Thánh Vương được miêu tả là đi về với “đội quân gấp bốn lần”, mang những nhà cai trị “đối thủ” về dưới quyền bá chủ danh nghĩa của mình, nhưng ông đạt được điều này mà không cần bắn một mũi tên nào và không làm như vậy hoặc vì quyền lực hoặc vì vinh quang mà là để khuyến khích các giá trị đạo đức. Tuy nhiên, không phải là không hợp lý để suy ra từ đoạn này rằng, ngay cả trong hoàn cảnh tốt nhất, Phật giáo cho rằng không thể hình dung một quốc gia vận hành được mà không có sự hậu thuẫn của quân đội. Nó chỉ là một bài bình luận về thân phận của con người, không phải là sự tán thành chiến tranh.

### **Cách giải quyết xung đột của Phật giáo**

Nguyên nhân của bất kỳ các cuộc xung đột nào đều nằm ở chỗ nó có sự gắn kết chặt chẽ với một số quan điểm nào đó và ở đây cốt lõi của giáo lý Phật giáo sẽ rất hữu ích. Mọi hiện tượng ngoài việc tồn tại trong một thời gian ngắn đều phát sinh và biến mất theo một tập hợp các điều kiện. Khi ta đưa sự thật này vào xung đột, chúng ta sẽ từ bỏ hình ảnh trắng đen giản dị mà thông qua đó, xung đột thường

được xác định và tồn tại. Những quan điểm về người tốt và kẻ xấu thường không thể hiện thực tế. Ít nhất ở một mức độ nào đó có thể có giải pháp cho những xung đột nếu như chúng ta nhận ra sự cần thiết phải học cách nói lỏng sự kiềm kẹp gây ra bởi gốc rễ bất thiện trong cá tính chung. Sớm hay muộn gì thì con người cũng phải dừng cảm tạo nên một cuộc đấu tranh để hướng tới mục tiêu này, nếu điều này giúp họ thoát khỏi vòng xoáy của lòng thù hận và tội lỗi đã ăn sâu và trở thành bản chất của mình. Ba yếu tố chính được nêu trên có nguồn gốc từ quan niệm Phật giáo về sự tham ái ( *lobha* ), sân hận ( *dosa* ) và sự si mê ( *moha* ) như thể đó là ba nguyên nhân chính chi phối toàn bộ hành động sai trái và sự mâu thuẫn có từ sự dính mắc, thù hận và thân kiến.

Nếu như Phật tử ở khắp nơi trên toàn thế giới đoàn kết lại, họ có thể tạo ra và hướng đến những hành động có ích cho hòa bình thế giới. Những người theo đạo Phật được xem là những người tiên phong trong nhiệm vụ vì hòa bình bởi vì Phật giáo là một tôn giáo truyền bá hòa bình ( *śanti* ) như là một thông điệp của toàn cầu. Đức Phật được coi là “ Hoàng Tử Hòa Bình “ ‘ *Prince of Peace* ’ ( *śanti-rājā* ). Như Rev. J.T. Sunderland đã chỉ ra, “ *trong suốt lịch sử của mình, Phật giáo đã dạy hòa bình cho các tín đồ, mạnh mẽ và hiệu quả hơn bất kỳ niềm tin tôn giáo lớn nào được biết đến trên thế giới* ”. Trong những lời của Đức Phật :

*Caratha, Bhikkhave, cārika’ Bahujanahitāya, Bahujanasukhva.  
Lokanukampāya atthāya hitāya sukhāya devamanussānaṃ*

Bây giờ tôi sẽ nói về khái niệm hòa bình của đạo Phật thời sơ khai. Thuật ngữ ‘hòa bình’ mang hai nghĩa tích cực và tiêu cực. Về khía cạnh tiêu cực, hòa bình có nghĩa là không có chiến tranh và những xung đột cũng như không có bất công xã hội, xã hội bất bình đẳng, và vi phạm quyền con người, cũng như phá hủy cân bằng sinh thái v.v.. Về khía cạnh tích cực, hòa bình có nghĩa là đoàn kết, sống chan hòa, tự do và công bằng. Mặc dù khái niệm về hòa bình bao gồm không có sự xung đột và sống trong hòa thuận trong khuôn khổ của những người theo đạo Phật, khái niệm hòa bình được mở rộng bao gồm cả hòa bình trong tâm hồn và thể xác. Hòa bình trong tâm hồn ( *ajjhata santi* ) nghĩa là bình yên trong tâm hồn, đó là trạng thái tinh thần phải thoát khỏi sự lo lắng, những ý nghĩ và tình cảm bực bội. Tạo ra được sự

bình yên trong tâm hồn là mục đích hướng đến cho cuộc sống tốt đẹp của đạo Phật. Vì vậy, như đức Phật đã nói “*Lạc nào bằng tịnh lạc*”<sup>12</sup>. An bình nội tâm là điều tất yếu cho sự bình yên thể xác mà nó có mối quan hệ giữa các cá nhân với nhau. Một người được cho là bình yên về thể xác khi anh ta sống chan hòa với người khác bao gồm cả hòa bình của cộng đồng, quốc gia và toàn cầu.

Hòa bình trong đạo Phật có liên quan đến các cá nhân, nhóm cũng như tổ chức. Thật vậy, xã hội có thể duy trì được hòa bình nếu mỗi thành viên đều có tâm an lạc. Nếu chưa có bình an nội tâm, sẽ không có hòa bình, được thể hiện trong lời mở đầu của UNESCO nghĩa là bởi vì nó có trong tâm trí của con người mà cuộc chiến tranh bắt đầu, cũng vì trong tâm trí của con người mà thành lũy của hòa bình phải được dựng lên”. Tinh thần này được lặp lại tương tự trong câu đầu tiên của Kinh Pháp Cú, trong đó nêu:

*Ý dẫn đầu các pháp, Ý làm chủ, ý tạo; Nếu với ý ô nhiễm,  
Nói lên hay hành động, Khổ não bước theo sau, Như xe, chân vật  
kéo*<sup>13</sup>.

Tất cả những sự xung đột cãi vã và chiến tranh hoặc xảy ra giữa các cá nhân, các nhóm người, hoặc giữa các quốc gia có thể dẫn tới ba yếu tố chính của hành động bất thiện (*akusala mūla*). Đầu tiên những mong muốn ích kỷ về sự khoái lạc, sự sở hữu (*rāga*) sẽ làm gia tăng tội phạm, bóc lột, tham nhũng và mâu thuẫn. Như Đức Phật đã từng nói “*vì lòng đam mê hoặc khao khát mà vua tranh chấp với vua, kṣatriyas tranh chấp với kṣatriyas , ...vì lòng đam mê hoặc khao khát mà họ tiến hành chiến tranh, đã lấy thanh kiếm và lá chắn ra, sau khi thất nơ và vớ nhẹ và vũ khí được rút bắt đầu trận chiến ở cả hai bên*”. Thứ hai, sự giận dữ là nguyên nhân trực tiếp của bạo lực và nếu không biết kiềm chế đúng lúc nó sẽ trở thành lòng thù hận hay ác ý đó sẽ không dễ dàng ngừng lại. Đó là lý do mà Đức Phật nói:

*Nó mắng tôi, đánh tôi, Nó thắng tôi, cướp tôi,*

---

12. Thích Minh Châu, *Kinh Pháp Cú (Dhammapada)*, dịch ( Hà Nội: NXB Tôn Giáo, 2012)

13. Thích Minh Châu, *Kinh Pháp Cú (Dhammapada)*, dịch ( Hà Nội: NXB Tôn Giáo, 2012) 17.

*Ai ôm hiềm hận ấy, Hận thù không thể nguôi*<sup>14</sup>.

Thứ ba, dưới ảnh hưởng của sự thiếu hiểu biết, con người bám vào niềm tin và ý thức hệ, dẫn đến kết quả là sự xung đột và chiến tranh.

Trong thời đại toàn cầu hóa ‘giải quyết xung đột’ là một cách đại diện cho những phương pháp hóa giải xung đột và tranh cãi giữa hai bên. Trong số các phương pháp này thì đàm phán (tự giải quyết), hòa giải (có sự tư vấn của bên thứ ba), phân xử (bên thứ ba đưa ra quyết định), dàn xếp (bên thứ ba đề xuất một giải pháp không ràng buộc) và ngoại giao. Đạo Phật cũng đã từng tiếp nhận sự hòa giải, sự dàn xếp và sự phân xử. Những ví dụ có thể được rút ra thông qua lời dạy của Đức Phật và những mâu thuẫn trong cộng đồng tu viện nơi Đức Phật và các tín đồ của Ngài đã từng can thiệp. Như trên đã nêu, Đức Phật chỉ vạch ra con đường, việc còn lại là người ta có đi trên con đường đó và tìm ra những giải pháp hay không. Trách nhiệm học hỏi giáo pháp, để hiểu giáo pháp, để can thiệp và sử dụng như những người hòa giải, nhà hỗ trợ và điều phục viên trong việc giải quyết xung đột và mang lại hòa bình cho các cá nhân, gia đình và cộng đồng. Để làm điều này họ cần chuẩn bị và thực hành theo pháp quy chế (dhamma netti) khá rõ ràng từ kinh làng Sāma (*Sāmagāma sutta*) thuộc Trung bộ kinh (*Majjhima Nikaya*) trong đó các tu sĩ được yêu cầu áp dụng các nguyên tắc của riêng mình chuẩn bị phù hợp với pháp. Bài kinh trình bày bảy diệt tránh pháp để giải quyết các xung đột (*adhikaraṇa samatha*), đó là:

1. phán quyết với sự hiện diện cần được ban cho
2. phán quyết ức niệm cần được ban cho
3. phán quyết bất si cần được ban cho
4. quyết định tùy theo thú nhận
5. quyết định đa số
6. quyết định tùy theo giới tội người phạm
7. trái cỏ che lấp<sup>15</sup>

---

14. Thích Minh Châu, *Kinh Pháp Cú (Dhammapada)*, dịch (Hà Nội: NXB Tôn Giáo, 2012) 18.

15. phán quyết với sự hiện diện cần được ban cho (sammukhavinayo databbo: ung dữ hiện tiền tỳ- ni), phán quyết ức niệm cần được ban cho (sativinayadatabbo: ung dữ ức niệm tỳ-ni), phán quyết bất si cần được ban

Bài Kinh làng Sāma (*Sāmagāma sutta*) trình bày sáu khả niệm pháp giúp mỗi người tác thành khả ái, tác thành tôn kính, đưa đến đoàn tụ, không tranh luận, hòa hợp, đồng nhất. Sáu nguyên tắc của lòng của thân ái là:

1. an trú từ thân nghiệp,
2. an trú từ khẩu nghiệp,
3. an trú từ ý nghiệp,
4. với mọi sở đắc như pháp, mọi lợi dưỡng đúng pháp
5. đối với mọi giới luật nào, không sứt mẻ, không tỳ, không vết, không ô uế, giải thoát, được người trí tán thán, không chấp thủ, đưa đến Thiên định.
6. đối với mọi tri kiến thánh thiện, đưa đến xuất ly, dẫn đến sự chơn chánh, đoạn diệt khổ đau cho những ai thực hành theo

Những người thực hiện và tuân thủ sáu khả niệm pháp có khả năng tham gia được các khóa giảng thuyết, từ ít quan trọng đến tổng quát, từ đó dẫn đến lợi lạc và hạnh phúc cho họ trong một thời gian dài. Trong những cộng đồng tu sĩ Phật giáo lý tưởng như vậy, các cuộc xung đột sẽ không xảy ra và phương pháp giải quyết xung đột sẽ không cần được yêu cầu. Tuy nhiên, trong bài kinh làng Sāma (*Sāmagāma sutta*), các cuộc xung đột trong cộng đồng tu viện được dự đoán diễn ra trong sự vắng mặt của mình, Đức Phật đã trình bày bảy diệt tránh pháp, trong đó chịu áp dụng phổ biến và cũng phù hợp với phương pháp hiện đại để giải quyết xung đột và có vẻ như là một công cụ quan trọng để giải quyết cuộc xung đột ngay cả trong hoàn cảnh hiện tại.

## Kết luận

Thiền sư Thích Nhất Hạnh đã đưa ra quan điểm Phật giáo, từ đó ông viết: *Trong việc thực hành của nhận thức, mà Phật giáo gọi Chánh niệm, chúng ta nuôi dưỡng khả năng nhìn sâu vào bản chất của sự vật và bản chất của con người. Kết quả của thực hành này là cái nhìn sâu sắc và sự hiểu biết và tột đỉnh của điều này là tình yêu thương. Nếu*

---

cho (amulhavinayo databbo: ung dữ bất si tỳ-ni), quyết định tùy theo thú nhận (patinnaya karettabbam), quyết định đa số (yebhuya ssika: đa nhân mịch tội), quyết định tùy theo giới tội người phạm (tassa papiyyasika), trải cỏ che lấp (tinavattha rako: như thảo phủ địa).

*không có sự hiểu biết làm sao chúng ta có thể yêu thương như là ý định và khả năng mang lại niềm vui cho người khác và để loại bỏ và chuyển hóa nỗi đau bên trong tâm họ. Ông tiếp tục nói: “Để ngăn chặn chiến tranh hoặc xung đột, để ngăn chặn cuộc khủng hoảng tiếp theo, chúng ta phải bắt đầu có một cuộc đối thoại vì hòa bình ngay bây giờ. Khi một cuộc chiến tranh hoặc xung đột đã bắt đầu, nó đã quá muộn. Nếu chúng ta và con em chúng ta thực hành bất bạo động (ahimsa) trong cuộc sống hàng ngày của mình, nếu chúng ta học cách gieo trồng hạt giống hòa bình và hòa giải trong trái tim và tâm trí của mình, theo cách đó, chúng ta có thể ngăn chặn cuộc chiến tranh và xung đột kế tiếp”. Xung đột có thể mở rộng sự thay đổi và đưa ra những thách thức. Những kỹ năng giải quyết mâu thuẫn không phải là giải pháp an toàn cho mọi tình huống, nhưng nó có thể biến mâu thuẫn trở thành cơ hội mở để hiểu biết về một người và nhiều người khác. Mâu thuẫn có cả mặt tốt và mặt xấu, có sự xây dựng và sự đổ vỡ, điều đó tùy thuộc vào những gì chúng ta tạo ra nó. Điều chắc chắn rằng hiếm có sự bền vững nào tồn tại theo thời gian. Người Phật tử gọi đó là Vô thường (aniccā). Không có gì là vĩnh cửu. Mọi thứ đều thay đổi. Nhiều người xung đột với nhau là do có gắn kết những quan điểm của họ và họ có khuynh hướng đổ lỗi cho đối phương mà không chịu nhận lấy sự chỉ trích. Trong trường hợp này không có sự đối thoại về hòa bình và hòa giải, tuy nhiên thỉnh thoảng chúng ta có thể sửa đổi những mâu thuẫn đơn giản bằng cách đưa ra những cách nhìn khác nhau. Thậm chí chúng ta có thể biến sự xung đột thành niềm vui, chuyển đổi những mâu thuẫn trở thành sự hòa giải và đàm phán trong hòa bình là một nghệ thuật, đòi hỏi những kỹ năng đặc biệt. Thật vậy, trong việc giải quyết một cuộc xung đột, phương tiện thiện xảo (upaya Kosala) là một từ khóa trong thuật ngữ Phật giáo Đại thừa .*

Phật giáo mở ra tính lịch sử và triết lý trong sự cân bằng giữa năng lực giải quyết xung đột với sự cân bằng các mối đe dọa chiến tranh thông qua việc gieo trồng lòng từ bi và chánh niệm. Khảo sát vạt hoa của Phật giáo trong cuộc triển lãm truyền thống có nguồn tài nguyên mạnh mẽ để phác họa trên giải quyết xung đột, nhưng những nguồn lực và lý tưởng liên quan đôi khi phải được biết đến tốt hơn và áp dụng đầy đủ hơn. Phật tử hiện đang tích cực thúc đẩy hòa bình. Đây là một minh họa tốt cho việc giảng dạy Phật giáo mà, trớ trêu thay, nếu vô minh và chủ nghĩa giáo điều có mặt lại là gốc rễ của nhiều đau khổ của con người. Trên cơ sở thảo luận ở trên, chúng ta có thể nói



rằng cuộc xung đột phổ biến trong xã hội (trên thế giới) có thể được giải quyết thông qua giáo lý Phật giáo. Tôi muốn kết thúc với câu nói của Thích Nhất Hạnh về hòa bình rất có liên quan trong cục diện thế giới hiện nay: *Không có sự giác ngộ nào bên ngoài của cuộc sống hàng ngày. Sống trong thực tế kỳ diệu này - sống trong hòa bình, là tất cả những gì chúng ta mong muốn. Nhưng tôi muốn hỏi: Chúng ta có khả năng hưởng được hòa bình hay không? Nếu hòa bình có, liệu chúng ta sẽ có thể thưởng thức nó, hoặc chúng ta lại thấy nhàm chán nó? Đối với tôi, sự bình an và hạnh phúc và niềm vui và cuộc sống đi cùng nhau, và chúng ta có thể trải nghiệm sự bình an của các thực tại tâm linh ngay trong giây phút hiện tại. Nó có sẵn, bên trong mỗi chúng ta và xung quanh chúng ta. Nếu chúng ta không thể tận hưởng hòa bình, làm sao chúng ta có thể làm cho hòa bình phát triển được?*

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Barash, David P. và Webel, Charles P. , *Hòa bình và Nghiên cứu xung đột*, Thousand Oaks, London và New Delhi : Sage , 2002.
- Bhalchandra Mungekar và Aakash Singh Rathore (eds.), *Phật giáo và thế giới đương đại: Một triển vọng Ambedkarian*, New Delhi : Book Well, 2007.
- Tỳ khưu ni Suvimalee, ed. , *Tạp chí Nghiên cứu Phật giáo quốc tế Sri Lanka (SIJBS )* , tập 2, Học viện Phật giáo Quốc tế Sri Lanka ( SIBA ) , Sri Lanka, 2012.
- Coomaraswamy, Ananda K, *Đức Phật và Chân Lý của Phật giáo*, in ấn lần thứ ba, Ấn Độ Edition, New Delhi: Munshiram Manoharlal, 2003.
- Harris , Elizabeth J. , *Bạo lực và Sự phá vỡ trong xã hội*, nhà xuất bản Wheel, số 392/393, Kandy: Ấn bản xã hội Phật giáo: 1994.
- Harvey, Peter, *Giới thiệu về Đạo đức Phật giáo*, Cambridge: Cambridge University Press: 2000.
- Jayatilleke, K.N. Undated. *Giáo Pháp, Con người và Luật*. Singapore: Hội nghiên cứu Phật giáo.
- Loy , David R , “ *Làm thế nào để cải huấn một kẻ giết người hàng loạt: Phương pháp tiếp cận Phật giáo để phục hồi*. Trực tiếp trong *Tạp chí Đạo đức Phật giáo*, tập7 (2000).

- Mahinda Deegalle , ed. , Phật giáo, *Xung đột và Bạo lực trong Sri Lanka hiện đại*, Routledge, London & New York, năm 2006.
- Tỳ khuru Nanamoli và Tỳ khuru Bodhi , 1995. *Thuyết giảng Trung Đạo của Đức Phật*. Kandy : Nhà Xuất bản Xã hội Phật giáo ( M)
- Norman, KR, *Tập hợp những bài Pháp trong Kinh Tập (Sutta Nipata )*, Tập I. London: Nhà Xuất bản Pali Text Society, 1984 .
- Payutto, Tỳ khuru PA, *Một giải pháp Phật giáo cho thế kỷ Hai mươi mốt*, Twentieth Impression, Bangkok: Pimsuay In ấn, 2003.
- Peoples, Dion (ed. . ), “ *Phật giáo và Đạo đức* “, Hội nghị Symposium Volume, Thái Lan, trình bày tại Hội nghị về Đạo đức Phật giáo IABU , 2008 .
- Premasiri, PD, *Triết học của Phẩm Tỳ Ngã (Atthakavagga)*, nhà xuất bản Wheel số 162, Kandy: Nhà xuất bản Xã hội Phật giáo: 1972
- Runzo, Josef và Martin, Nancy M (eds.), *Đạo đức trong các Tôn giáo Thế giới* “, Oxford: Oneworld , 2007.
- Singh, Arvind Kumar , ‘ *Sự liên quan của Phật giáo trong việc đạt được hòa bình thế giới*’ của Lê Mạnh Thát và Thích Nhật Từ (eds.), *Chiến tranh, Xung đột và Chữa trị: Một Quan điểm Phật giáo*, Thành phố Hồ Chí Minh, Học viện Phật giáo Việt Nam, 2008.
- Tilakaratne, A. 1993. *Niết Bàn Không thể Luận bàn*. Kelaniya: Đại học Kelaniya.
- Walshe, Maurice, *Những bài Pháp của Đức Phật*. Kandy: Hội Xuất bản Phật giáo, 1996.